

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, GPMB
để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng
thực hiện dự án: Đường giao thông bản Pá Chí Tấu đi
Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng, vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 77/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3, Điều 66, Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tấu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên;

Căn cứ Quyết định số 2506/QĐ-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện

dự án: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Thông báo số 1219^a/TB-UBND ngày 15/9/2017 của UBND huyện Than Uyên về việc thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Thông báo số 415/TB-UBND ngày 23/4/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc thông báo thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất cho 12 dự án trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét kết quả thẩm định phương án số 227/KQTĐ-TCKH ngày 25/11/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về KPBT, hỗ trợ cây cối hoa màu trên đất thu hồi GPMB xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét kết quả thẩm định phương án số 17/KQTĐ-KTHT ngày 20/11/2018 của Phòng Kinh tế - Hạ tầng về KPBT, hỗ trợ tài sản trên đất thu hồi GPMB xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét kết quả thẩm định chi phí số 103/KQTĐ-TCKH ngày 14/6/2018 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB xây dựng công trình: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Than Uyên tại Tờ trình số 100/TTr-TNMT ngày 26/11/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC, GPMB để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Đường giao thông bản Pá Chí Tầu đi Hua Chít, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cụ thể như sau:

1.1 Tổng Kinh phí là : 404.623.795 đồng

Trong đó:

- | | |
|---|------------------|
| - Bồi thường trực tiếp về TS, VKT: | 28.173.750 đồng |
| - Bồi thường trực tiếp cây trồng, vật nuôi: | 107.830.794 đồng |
| - Chi phí tổ chức thực hiện căn cứ kết quả thẩm định số: 103/KQTĐ-TCKH ngày 14/6/2018 của phòng Tài chính-kế hoạch: | 268.619.251 đồng |

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

1.2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí: Vốn ngân sách địa phương do tỉnh quản lý.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Giám đốc Ban quản lý đầu tư và xây dựng; Chủ tịch UBND xã Tà Hừa, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Thanh tra huyện;
- Như Điều 2;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Thế Mẫn

**DANH SÁCH ÁP GIÁ PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN:
ĐƯỜNG GIAO THÔNG BÀN PÁ CHỈ TÁU ĐI HUA CHÍT, XÃ TÀ HỪA, HUYỆN THAN**
(Đính kèm Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND huyện Than Uyên)

TT	Họ và tên chủ hộ và danh mục bồi thường	HKTT (Bản)	ĐVT	Số lượng	Đơn vị (đồng)	Thành tiền (đồng)
A	Tổng mức bồi thường					404.623.795
I	Chi trả cho chủ sở hữu tài sản					136.004.544
-	Tài sản, VKT					28.173.750
-	Cây trồng vật nuôi trên đất					107.830.794
II	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường căn cứ kết quả thẩm định số 103/KQTD-TCKH ngày					268.619.251
B	Chi tiết bồi thường cho chủ sở hữu					
1	Kháng Siêu Páo	Hua Chít				8.730.150
a	Tài sản, VKT					3.473.250
-	Đào đắp đất thủ công (hào): 117x0,6x0,6m		m3	42,10	82.500	3.473.250
b	Cây trồng vật nuôi trên đất					5.256.900
-	Sản lượng lúa 974,5m ² x 0,6kg/m ²		kg	584,70	7.000	4.092.900
-	Sản lượng sắn 211,6m ² x 1,1kg/m ²		kg	232,80	5.000	1.164.000
2	Kháng Là Dao	Hua Chít				1.578.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					1.578.000
-	Sản lượng sắn 286,9m ² x 1,1kg/m ²		kg	315,60	5.000	1.578.000
3	Hồ A Năng	Hua Chít				1.698.900
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					1.698.900
-	Sản lượng lúa 404,5m ² x 0,6kg/m ²		kg	242,70	7.000	1.698.900
4	Kháng A Páo	Hua Chít				14.819.150
a	Tài sản, VKT					4.364.250
-	Đào đắp đất thủ công (hào): 147x0,6x0,6m		m3	52,90	82.500	4.364.250
b	Cây trồng vật nuôi trên đất					10.454.900
-	Sản lượng lúa 461,1m ² x 0,6kg/m ²		kg	276,70	7.000	1.936.900
-	Sản lượng sắn 1.548,7m ² x 1,1kg/m ²		kg	1.703,60	5.000	8.518.000
5	Kháng Chừ Khua	Hua Chít				3.139.400
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					3.139.400
-	Sản lượng lúa 237m ² x 0,6kg/m ²		kg	142,20	7.000	995.400
-	Sản lượng sắn 389,8m ² x 1,1kg/m ²		kg	428,80	5.000	2.144.000
6	Kháng A Vàng	Hua Chít				1.806.820
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					1.806.820
-	Sản lượng lúa 175,1m ² x 0,6kg/m ²		kg	105,06	7.000	735.420
-	Sản lượng sắn 194,8m ² x 1,1kg/m ²		kg	214,28	5.000	1.071.400
7	Kháng Sinh Tru	Hua Chít				15.180.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					15.180.000
-	Sản lượng sắn 2760m ² x 1,1kg/m ²		kg	3.036,00	5.000	15.180.000
8	Kháng Súng Chư	Hua Chít				10.879.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					10.879.000
-	Sản lượng sắn 1978m ² x 1,1kg/m ²		kg	2.175,80	5.000	10.879.000
9	Kháng Pàng Chơ	Hua Chít				2.342.900
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					2.342.900
-	Sản lượng lúa 557,8m ² x 0,6kg/m ²		kg	334,70	7.000	2.342.900
10	Kháng Súng Dê	Hua Chít				1.974.700
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					1.974.700
-	Sản lượng lúa 470,2m ² x 0,6kg/m ²		kg	282,10	7.000	1.974.700
11	Kháng A Lâu	Hua Chít				21.707.800

	danh mục bồi thường	(Bản)			(đồng)	(đồng)
a	Tài sản, VKT					13.662.000
-	Đào đắp đất thủ công (hào): 460x0,6x0,6m		m3	165,60	82.500	13.662.000
b	Cây trồng vật nuôi trên đất					8.045.800
-	Sản lượng lúa 457,2m ² x 0,6kg/m ²		kg	274,30	7.000	1.920.100
-	Sản lượng sắn 880,1m ² x 1,1kg/m ²		kg	968,10	5.000	4.840.500
-	Sản lượng ngô 496,3m ² x 0,37kg/m ²		kg	183,60	7.000	1.285.200
12	Hồ A Hê	Hua Chít				8.196.650
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					8.196.650
-	Sản lượng sắn 1490,3m ² x 1,1kg/m ²		kg	1.639,33	5.000	8.196.650
13	Kháng A Sang	Hua Chít				5.400.700
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					5.400.700
-	Sản lượng lúa 271m ² x 0,6kg/m ²		kg	162,60	7.000	1.138.200
-	Sản lượng sắn 775m ² x 1,1kg/m ²		kg	852,50	5.000	4.262.500
14	Kháng A Chu	Hua Chít				16.288.424
a	Tài sản, VKT					3.498.000
-	Đào đắp đất thủ công (hào): 90x0,6x0,6m; 10x1x1m		m3	42,40	82.500	3.498.000
b	Cây trồng vật nuôi trên đất					12.790.424
-	Sản lượng lúa 354,5m ² x 0,6kg/m ²		kg	212,70	7.000	1.488.900
-	Sản lượng sắn 1987,2m ² x 1,1kg/m ²		kg	2.185,92	5.000	10.929.600
-	Sản lượng ngô 143,6m ² x 0,37kg/m ²		kg	53,13	7.000	371.924
15	Kháng A Hồ	Hua Chít				2.429.700
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					2.429.700
-	Sản lượng lúa 578,5m ² x 0,6kg/m ²		kg	347,10	7.000	2.429.700
16	Kháng A Dê	Hua Chít				662.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					662.000
-	Sản lượng sắn 120,4m ² x 1,1kg/m ²		kg	132	5.000	662.000
17	Kháng Vàng Chùa	Hua Chít				8.412.250
a	Tài sản, VKT					3.176.250
-	Đào đắp đất thủ công (hào): 107x0,6x0,6m		m3	38,50	82.500	3.176.250
b	Cây trồng vật nuôi trên đất					5.236.000
-	Sản lượng sắn 952m ² x 1,1kg/m ²		kg	1.047,20	5.000	5.236.000
18	Lò Văn Liên	Pá Chí Tầu				5.808.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					5.808.000
-	Sản lượng sắn 1.056m ² x 1,1kg/m ²		kg	1.161,60	5.000	5.808.000
19	Lò Văn Dân	Pá Chí Tầu				4.950.000
a	Cây trồng vật nuôi trên đất					4.950.000
-	Sản lượng sắn 900m ² x 1,1kg/m ²		kg	990,00	5.000	4.950.000

Cán bộ thẩm định



Kiều Thị Uyên